

SỞ NN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **203** /CCTT&BVTV-TTBVTV
V/v triển khai Kế hoạch sản xuất
vụ Mùa năm 2025

Thái Nguyên, ngày **07** tháng 5 năm 2025

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố.

Hiện nay lúa Xuân đang trong giai đoạn trổ bông - chín. Để chủ động cho sản xuất vụ Mùa, vụ Đông năm 2025, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2025; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Thái Nguyên đề nghị UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan phối hợp chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2025 với nhiệm vụ, giải pháp sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG - XUÂN NĂM 2024-2025

1. Cây lúa

Diện tích lúa vụ Xuân gieo cấy ước đạt 28.735 ha, bằng 101,9 % so với KH. Trong đó: diện tích lúa năng suất, chất lượng đạt 17.462 ha bằng 60,76% tổng diện tích gieo cấy (*diện tích lúa thuần chất lượng 12.097 ha, bằng 42,9%; diện tích lúa lai 5.365 ha, bằng 19%*); Năng suất ước đạt 56,19 tạ/ha, bằng 100% so với KH; Sản lượng ước 161.461 tấn, bằng 101,99 % so với KH.

2. Cây ngô

Diện tích gieo trồng vụ Đông - Xuân ước đạt 10.396 ha, bằng 100,64% so với KH; Năng suất ước đạt 49,28 tạ/ha, bằng 100% so với KH; Sản lượng ước đạt 51.237 tấn, bằng 101,17 % so với KH.

3. Cây rau các loại

Diện tích gieo trồng vụ Đông - Xuân ước đạt 11.725 ha, bằng 103,44% KH; Năng suất 198,23 tạ/ha, bằng 100,92% so với KH; Sản lượng 232.429 tấn, đạt 104,39% KH.

4. Tình hình sâu bệnh vụ Xuân và kết quả chỉ đạo phòng trừ

Mật độ, tỷ lệ hại và diện tích nhiễm của các đối tượng sâu, bệnh hại trên cây trồng tương đương so với cùng kỳ năm 2024. Các đối tượng gây hại chủ yếu như bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, rầy các loại... trên cây lúa; rầy xanh, bệnh phòng lá hại trên chè và sâu bệnh hại trên các cây ăn quả, cây rau, màu đều được phát hiện sớm, thông báo kịp thời đến các đơn vị liên quan và các địa phương để tổ chức phòng trừ đạt hiệu quả. Đến thời điểm này, các đối tượng sinh vật hại trên các cây trồng chính đều an toàn, được kiểm soát chặt chẽ và chưa có thiệt hại xảy ra gây ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ MÙA, ĐỊNH HƯỚNG VỤ ĐÔNG 2025

1. Nhận định tình hình thời tiết khí hậu

Dự báo các hiện tượng khí hậu cực đoan: Từ tháng 7-12/2025, số lượng bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN (tập trung vào thời kỳ nửa cuối mùa mưa bão). Trong đó, từ tháng 7-9 bão/ATNĐ ảnh hưởng chủ yếu đến các tỉnh miền Bắc.

Từ tháng 7-9/2025, nắng nóng tiếp tục xảy ra ở khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ, nắng nóng có khả năng xảy ra nhiều hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Trong các tháng nửa cuối năm 2025 đề phòng hiện tượng đông, lốc, sét, mưa đá gây ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp và dân sinh ở những khu vực chịu tác động.

Dự báo nhiệt độ: Từ tháng 7-9/2025, nhiệt độ trung bình trên phạm vi cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ; từ tháng 10-12/2025, NĐTB ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phổ biến cao hơn TBNN, các khu vực còn lại NĐTB ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Dự báo lượng mưa: Từ tháng 7-9/2025, TLM tại các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có khả năng cao hơn so với TBNN, các khu vực còn lại TLM ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Từ tháng 10-12/2025, trên toàn quốc lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

2. Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2025

Tập trung chỉ đạo gieo trồng các loại cây vụ Mùa đảm bảo Kế hoạch và đúng lịch thời vụ (*Thực hiện theo Kế hoạch số 248/KH-UBND, ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên*).

- Cây lúa: $38.010 \text{ ha} \times 54,28 \text{ tạ/ha} = 206.340 \text{ tấn}$.

- Cây ngô: $4.219 \text{ ha} \times 50,10 \text{ tạ/ha} = 21.140 \text{ tấn}$.

- Cây rau: $3.665 \text{ ha} \times 190,31 \text{ tạ/ha} = 69.750 \text{ tấn}$.

Chỉ tiêu sản xuất (*có phụ biểu chi tiết kèm theo*).

3. Định hướng sản xuất vụ Đông 2025

- Diện tích cây ngô: $3.640 \text{ ha} \times 46,70 \text{ tạ/ha} = 17.000 \text{ tấn}$.

- Diện tích rau: $6.680 \text{ ha} \times 185,40 \text{ tạ/ha} = 123.820 \text{ tấn}$.

- Phát triển vụ Đông 2025 theo chủ trương tái cơ cấu ngành Trồng trọt theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

- Xác định cây trồng vụ Đông là sản xuất đặc biệt quan trọng đối với tăng trưởng của toàn ngành nông nghiệp cho năm tiếp theo vì vậy cần xác định rõ đối tượng, cơ cấu giống đưa vào sản xuất và các biện pháp kỹ thuật cho phù hợp để chỉ đạo thực hiện.

- Đa dạng hóa các nhóm cây trồng khác nhau trong vụ Đông, đặc biệt chú ý trồng rải vụ đối với cây rau nhằm giảm áp lực trong tiêu thụ.

- Bố trí hợp lý cơ cấu nhóm cây ưa ẩm, ưa lạnh và nhóm trung tính, các cây có giá trị kinh tế cao, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Giải pháp về mùa vụ

- Cây lúa: Trà Mùa sớm, căn cứ vào điều kiện cụ thể, các địa phương xác định tỷ lệ diện tích gieo cấy theo các trà lúa phù hợp, phần đầu diện tích trà lúa mùa sớm đạt bình quân 50% tổng diện tích trở lên. Gieo mạ từ 25/5 đến 05/6; cấy từ 10/6 - 20/6, tuổi mạ 10 - 12 ngày.

Trà Mùa trung: Chiếm khoảng 30% diện tích, gieo mạ từ 10/6 đến 20/6; cấy từ 25/6 đến 10/7; tuổi mạ 10-15 ngày.

Trà Mùa muộn: Chiếm khoảng 20% diện tích, gieo mạ từ 05/6 đến 15/6; cấy từ 05/7 đến 20/7, tuổi mạ khoảng 30 ngày.

Áp dụng gieo thẳng sau cấy từ 3 đến 5 ngày đối với trà Mùa sớm, trà trung, cần lưu ý với điều kiện thời tiết; hạn chế gieo thẳng trà muộn đối với giống dài ngày.

- Cây ngô: Trồng từ ngày 10/6 - 10/7.

4.2. Giải pháp về cơ cấu giống

Sử dụng giống lúa, ngô có năng suất, chất lượng có giá trị kinh tế cao, thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của tỉnh Thái Nguyên.

a. Cơ cấu giống lúa chủ yếu

Sử dụng giống năng suất, chất lượng để nâng cao giá trị sản xuất; mở rộng diện tích gieo cấy các giống lúa chất lượng cao, giống lúa đặc sản, sản xuất lúa áp dụng tiêu chuẩn Viet GAP, hữu cơ, phần đầu đạt trên 50% tổng diện tích gieo cấy toàn tỉnh. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế trên đất lúa; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất lúa an toàn, hữu cơ, chất lượng cao gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh xúc tiến, hỗ trợ tiêu thụ gạo và một số sản phẩm từ gạo cho các giống lúa đặc sản đã xây dựng được thương hiệu của các địa phương. Cơ cấu giống chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất, cụ thể:

- Cơ cấu giống lúa lai chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất: TH3-7, TH3-5, B-TE1, Syn98, TEJ vàng, HKT99, MHC2, VT404, WN305, SYN8.

- Cơ cấu giống lúa thuần chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất: J02, J01, Đài thơm 8, TBR225, BQ, DQ11, ADI28, HD11, Thiên ưu 8, Dục hương 8, TH8, nếp Vải, nếp Thầu dầu, nếp Cái hoa vàng, Bao Thai, Hương Thuần 8, Hương thơm số 7, BG6, HDT10, VNR20.

b. Cơ cấu giống ngô chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất: HN88, NK4300, LVN61, LVN99, C.P.111, NK4300B0t/GT, NK7328, NK7328Bt/GT, NK66Bt/GT, NK6275, DK9955S, DK6919S, HN68, LVN4, khuyến khích mở rộng diện tích các giống ngô nếp, ngô ngọt có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ tốt.

Trên cơ sở cơ cấu giống (lúa, ngô) được UBND tỉnh phê duyệt khuyến khích đưa vào sản xuất. Các huyện, thành phố lựa chọn một số giống phù hợp,

có thể mạnh, chỉ đạo đưa vào sản xuất và chuẩn bị đủ lượng giống dự phòng để chủ động ứng phó khi điều kiện thời tiết bất thường xảy ra.

4.3. Giải pháp kỹ thuật

a. Cây lúa

- Chuẩn bị đất và gieo cấy trong khung thời vụ tốt nhất.
- Khẩn trương thu hoạch khi lúa vụ Xuân vừa chín tới, thu hoạch đến đâu làm đất vùi sâu gốc rạ đến đó, nên bón thêm vôi bột hoặc một số chế phẩm sinh học Azotobacte, Trichoderma, EMUNIV, AT-YTB ... để tăng cường phân hủy rơm rạ, hạn chế nguồn sâu bệnh hại và tránh ngộ độc hữu cơ cho lúa Mùa sau cấy; đảm bảo đủ nước để phục vụ gieo cấy.
- Tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác cải tiến (SRI), quản lý dịch hại IPM, sức khỏe cây trồng IPHM, quản lý cây trồng tổng hợp ICM, canh đồng lớn, ứng dụng đồng bộ tiến bộ khoa học kỹ thuật; sản xuất theo chuỗi giá trị, theo VietGAP, hữu cơ,...
- Sử dụng giống lúa ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng tốt, thích ứng rộng, chống chịu được với sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh bất thuận, mở rộng hợp lý tỷ lệ diện tích trà Mùa sớm, hạn chế gieo cấy giống dễ bị nhiễm và nhạy cảm với bệnh bạc lá trên chân đất thấp trũng, vùng thường xuyên bị bệnh bạc lá.
- Lựa chọn hình thức gieo cấy phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Ưu tiên gieo mạ trên sân, trên nền đất cứng, gieo mạ tập trung thành vùng để quản lý, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Hướng dẫn nông dân phun phòng trừ rầy trên mạ trước khi đưa ra ruộng cấy từ 3-5 ngày để hạn chế bệnh lùn sọc đen.
- Phát hiện và phòng trừ kịp thời, hiệu quả các loại dịch hại, thường xuyên thăm đồng, phát hiện và phòng trừ các loại sâu bệnh hại nguy hiểm như rầy lưng trắng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân cuối vụ, bệnh bạc lá, bệnh vàng lùn, lùn sọc đen phương nam. Đặc biệt giải pháp kiểm soát tốt rầy các loại và virus lùn sọc đen tránh nguy cơ bùng phát bệnh trên lúa vụ Mùa.

Lưu ý: Vụ Mùa thường xảy ra mưa bão nên lúa Mùa sớm rất dễ mắc bệnh bạc lá trong giai đoạn đồng trổ vì vậy không gieo cấy các giống lúa đã bị nhiễm bệnh bạc lá ở các vụ trước và phải đặc biệt quan tâm đến chế độ bón phân cân đối, không bón thừa đạm để hạn chế sự phát triển gây hại của bệnh.

b. Cây ngô

- Sử dụng giống ngô lai có năng suất, chất lượng cao và thích ứng rộng.
- Đảm bảo mật độ gieo trồng hợp lý, đối với những giống ngô có khả năng tăng mật độ cần áp dụng trồng theo đúng quy trình nhằm tăng năng suất.
- Tăng cường thâm canh ngô, bón phân cân đối, ưu tiên sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh.

- Vệ sinh, thu gom và tiêu huỷ các tàn dư thực vật có mầm bệnh trên diện tích đất sản xuất vụ trước, thường xuyên kiểm tra phát hiện kịp thời sâu bệnh hại để phòng trừ có hiệu quả đặc biệt sâu keo mùa thu.

4.4. Cây rau

- Tiếp tục chăm sóc các loại rau màu vụ Xuân, để cung cấp cho người tiêu dùng trên địa bàn; trên đất chuyển đổi cần chú ý tiến độ gieo trồng, thu hoạch đảm bảo kịp thời cho sản xuất lúa vụ Mùa 2025.

- Cần rà soát các diện tích đất lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng rau màu có hiệu quả kinh tế cao hơn, đặc biệt là các loại rau có khả năng tiêu thụ và bảo quản dài ngày.

- Tiếp tục xây dựng các vùng trồng rau tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm; đa chủng loại, nhiều trà, rải vụ, đặc biệt tăng diện tích rau trái vụ; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về giống, kỹ thuật canh tác tổng hợp.

- Mở rộng diện tích sản xuất rau theo quy trình VietGAP, xúc tiến phát triển và liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm rau an toàn.

4.5. Cây chè

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như sử dụng phân bón chuyên dùng cho cây chè, phân hữu cơ, phân vi sinh ..., nhằm hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch về năng suất, sản lượng chè, sản phẩm chè đạt chất lượng cao an toàn.

- Triển khai thực hiện kế hoạch trồng mới, trồng thay thế chè năm 2025 theo kế hoạch. Thời vụ trồng chè tốt nhất trong tháng 9, tháng 10.

4.6. Cây ăn quả

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như sử dụng phân bón chuyên dùng cho cây ăn quả, phân hữu cơ, phân vi sinh, phân bón lá... nhằm nâng cao về năng suất, sản lượng quả và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Triển khai thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch trồng mở rộng diện tích cây ăn quả (na, bưởi, nhãn).

4.7. Về giống: kiểm tra, rà soát lại nhu cầu về giống, có kế hoạch cung ứng đủ số lượng và chất lượng giống lúa cho sản xuất; cần bố trí cơ cấu giống, thời vụ phù hợp nhằm đảm bảo cho thu hoạch trà lúa mùa sớm trước 20/9 để tạo quỹ đất sản xuất cây vụ Đông ưa ấm.

4.8. Công tác Bảo vệ thực vật

Chủ động trong công tác dự tính, dự báo, giám sát, phát hiện sâu bệnh hại nguy hiểm như rầy lưng trắng đầu vụ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bệnh lùn sọc đen, bệnh bạc lá... Thực hiện nghiêm túc những chỉ dẫn và khuyến cáo của ngành bảo vệ thực vật trong việc phòng trừ sâu bệnh hại. Chủ động theo dõi, phát hiện bệnh lùn sọc đen hại lúa ngay từ sau cấy, trong công tác chỉ đạo, hướng



dẫn phòng trừ sâu bệnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phổ Yên, các đơn vị liên quan và UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất vụ Mùa nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất năm 2025 đề ra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và BVTV;
- Sở NN và Môi trường
- Báo Thái Nguyên, Đài PTTHTN;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Trung tâm Giống cây trồng VN và TS;
- Phòng NN và MT các huyện, TP;
- Phòng Tài Nguyên và MT TP. Phổ Yên;
- Trung tâm DVNN các huyện, thành phố;
- Cty CPVT Nông nghiệp Thái Nguyên;
- Lưu: VT, TTBVTV.

(Handwritten signature)



Nguyễn Tá

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số 203/SL-NTNN ngày 07/5/2025 của Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Thái Nguyên)



Huyện, thành phố,	Lúa			Ngô			Rau		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
TP.Thái Nguyên	3.300	54,09	17.850	285	52,63	1.500	480	204,17	9.800
TP.Sông Công	1.955	54,44	10.643	150	50,67	760	220	200,00	4.400
TX. Phổ Yên	4.767	54,23	25.850	150	46,00	690	750	185,33	13.900
H. Đồng Hỷ	3.700	53,51	19.800	500	47,00	2.350	170	194,12	3.300
H. Phú Bình	7.059	54,20	38.260	610	45,41	2.770	500	188,00	9.400
H. Võ Nhai	3.100	55,05	17.067	1.900	54,00	10.260	373	174,26	6.500
H. Đại Từ	6.376	55,91	35.650	104	46,15	480	660	199,55	13.170
H. Phú Lương	3.028	53,43	16.180	255	44,71	1.140	242	185,95	4.500
H. Định Hoá	4.725	52,99	25.040	265	44,91	1.190	270	177,04	4.780
Cộng	38.010	54,29	206.340	4.219	50,11	21.140	3.665	190,3	69.750